

Số: 369 /TB-HĐ

Phú Quốc, ngày 21 tháng 8 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả thi Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả thi Vòng 2 kỳ xét tuyển dụng viên chức năm 2023 như sau:

**1. Kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành**

- Ông (bà):.....
- Số báo danh:.....
- Vị trí dự tuyển:.....
- Kết quả điểm thi:.....điểm.

*(Có danh sách kèm theo)*

**2. Về việc phúc khảo điểm thi**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo này và được niêm yết công khai, thí sinh có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo về kết quả điểm thi Vòng 2 nêu trên.

- Đơn đề nghị phúc khảo theo mẫu đính kèm Thông báo này.

- Thí sinh nộp đơn phúc khảo trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Nội vụ thành phố Phú Quốc, số 4, đường 30/4, khu phố 2, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, Kiên Giang.

- Không phúc khảo trong các trường hợp sau: Đơn đề nghị phúc khảo sau thời hạn quy định; đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

- Lệ phí phúc khảo thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Kết quả điểm thi được niêm yết tại trụ sở làm việc của Phòng Nội vụ Phú Quốc và Cổng thông tin điện tử thành phố Phú Quốc tại địa chỉ <https://phuquoc.kiengiang.gov.vn> hoặc trang facebook Phòng Nội vụ: <https://www.facebook.com/profile.php?id=100095422891179&mibextid=ZbWKwL>



Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 thông báo kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành đến các thí sinh được biết./.

**Nơi nhận :**

- CT, các PCT. UBND TP (để b/c);
- HĐTDVC năm 2023;
- Ban Giám sát;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- LĐVP + đ/c Nhung;
- Cổng thông tin điện tử UBND thành phố;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, tvtuyen.

**TM. HỘI ĐỒNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ  
Trần Thanh Long**

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 365 /TB-HĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023)



| Số TT<br>đánh                                           | Số báo<br>đánh | Họ và tên          | Năm sinh |      | Dân<br>tộc | Quê quán                   | Nơi ở hiện nay                                                      | Chuyên ngành đào tạo (theo bằng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ    |           |                     | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Hạng chức danh             | Mã số      | Đơn vị dự tuyển           | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm | Điểm ưu tiên     | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |  |
|---------------------------------------------------------|----------------|--------------------|----------|------|------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|--------------|-----------|---------------------|----------------------------------|----------------------------|------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------|----------|-----------|------------------------------------|------------|--|
|                                                         |                |                    | Nam      | Nữ   |            |                            |                                                                     |                                       |                                             |                |                 | Ng ngoại ngữ | Tin học   | Bài đường nghiệp vụ |                                  |                            |            |                           |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                       |                |                    | 4        | 5    |            | 6                          | 7                                                                   | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13           | 14        |                     | 15                               | 16                         | 17         | 18                        | 8                                                    | 19               |          |           | 20                                 |            |  |
| TRƯỜNG MẦM NON DƯƠNG ĐỒNG                               |                |                    |          |      |            |                            |                                                                     |                                       |                                             |                |                 |              |           |                     |                                  |                            |            |                           |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Mầm Non: Chỉ tiêu cần tuyển 02 người |                |                    |          |      |            |                            |                                                                     |                                       |                                             |                |                 |              |           |                     |                                  |                            |            |                           |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                       | 001            | Nguyễn Thị Kim Sơn |          | 1990 | Kinh       | Vĩnh Thuận - Kiên Giang    | Số 235C, đường 30/4, khu phố 1, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang    | Giáo dục Mầm Non                      | Đại học sư phạm Mầm Non                     | 2015           | Khá             | B            | A         | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 60,50    | 60,50     | 0948234542                         |            |  |
| 2                                                       | 002            | Bùi Thị Xuân       |          | 1995 | Mường      | Thọ Xuân - Thanh Hóa       | Số 56b, Lý Thường Kiệt, khu phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Giáo dục Mầm Non                      | Đại học sư phạm Mầm Non                     | 2020           | Khá             | TOEFL        | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | Dân tộc thiểu số | 5        | 61        | 66,00                              | 0976886997 |  |
| 3                                                       | 003            | Phan Thị Thủy Ngọc |          | 1999 | Kinh       | Cần Giuộc - Long An        | Hẻm 25, đường Mạc Cửu, khu phố 4, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang  | Sư phạm Mầm Non                       | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non                    | 2020           | Trung bình      | B1           | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                |          | 0,00      | 0328829404                         | Vắng       |  |
| 4                                                       | 004            | Võ Thị Thanh Huyền |          | 1999 | Kinh       | Huỳnh Khê - Hà Tĩnh        | Sunhome 2.3, khu phố 6, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang               | Sư phạm Mầm Non                       | Đại học Sư phạm Mầm Non                     | 2021           | Giỏi            | A2           | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 90,30    | 90,30     | 0345915009                         |            |  |
| 5                                                       | 005            | Bùi Thị Thủy Hằng  |          | 1993 | Kinh       | Phụng Hiệp - Hậu Giang     | Tổ 4, ấp Cây Thông Trong, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang           | Sư phạm Mầm Non                       | Đại học Sư phạm Mầm Non                     | 2018           | Khá             | B            | A         | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 54,80    | 54,80     | 0933112850                         |            |  |
| 6                                                       | 006            | Nguyễn Thị Quý     |          | 1989 | Kinh       | Cần Xuyên - Hà Tĩnh        | Tổ 3, ấp Rạch Hầm, Hầm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang                   | Sư phạm Mầm Non                       | Đại học Sư phạm Mầm Non                     | 2013           | Trung bình      | B            | B         | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 52,00    | 52,00     | 0388941418                         |            |  |
| 7                                                       | 007            | Võ Tiểu Yên        |          | 2001 | Kinh       | U Minh Thượng - Kiên Giang | ấp Thanh Tân, Thanh Hưng, Giồng Riềng, Kiên Giang                   | Sư phạm Mầm Non                       | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non                    | 2022           | Giỏi            | B1           | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Dương Đông | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 89,50    | 89,50     | 0358233027                         |            |  |

| Số TT                                                       | Số báo danh | Họ và tên            | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                | Nơi ở hiện nay                                     | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng phân loại) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ    |           |                     | Hạng chức danh             | Mã số      | Đơn vị dự tuyển          | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên                                                     | Điểm ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------|------|---------|-------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|--------------|-----------|---------------------|----------------------------|------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-----------|------------------------------------|---------|
|                                                             |             |                      | Nam      | Nữ   |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 | Ng ngoại ngữ | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                           |             |                      | 4        | 5    |         | 6                       | 7                                                  | 9                                          | 10                                          | 11             | 12              | 13           | 14        | 15                  | 16                         | 17         | 18                       | 8                                                                                                                | 19           |          |           | 20                                 |         |
| II                                                          |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| TRƯỜNG MẦM NON CỬA DƯƠNG                                    |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Mầm Non: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người     |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                           | 008         | Dương Thị Huỳnh Thi  |          | 1987 | Kinh    | Rạch Giá - Kiên Giang   | Quân đội K8, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang       | Sư phạm Mầm Non                            | Cao đẳng sư phạm Mầm Non                    | 2008           | Trung bình      | -            | B         | -                   | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Cửa Dương | Cao đẳng sư phạm Mầm Non trở lên                                                                                 | -            | 51,50    | 51,50     | 0777860141                         |         |
| 2                                                           | 009         | Hồ Thị Cẩm Tiên      |          | 1996 | Kinh    | Đức Phổ - Quảng Ngãi    | Khu phố 6, phường An thới, Phú Quốc, Kiên Giang    | Sư phạm Mầm Non                            | Đại học sư phạm Mầm Non                     | 2019           | Khá             | B            | A         | -                   | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Cửa Dương | Cao đẳng sư phạm Mầm Non trở lên                                                                                 | -            | 88,50    | 88,50     | 0349492009                         |         |
| 3                                                           | 010         | Trần Thị Phương Linh |          | 1999 | Kinh    | Châu Thành - Kiên Giang | Tổ 2, ấp Suối Mây, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang  | Sư phạm Mầm Non                            | Cao đẳng sư phạm Mầm Non                    | 2023           | Khá             | -            | -         | -                   | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Cửa Dương | Cao đẳng sư phạm Mầm Non trở lên                                                                                 | -            |          | 0,00      | 0358460109                         | Vắng    |
| 4                                                           | 011         | Đặng Thị Thảo        |          | 2000 | Kinh    | Cần Lộc - Hà Tĩnh       | Ấp Suối Đá, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang         | Sư phạm Mầm Non                            | Cao đẳng sư phạm Mầm Non                    | 2022           | Giỏi            | -            | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non hạng III | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Cửa Dương | Cao đẳng sư phạm Mầm Non trở lên                                                                                 | -            | 94,30    | 94,30     | 0763063489                         |         |
| - Vị trí Kế toán kiêm văn thư: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                           | 015         | Ngô Kim Hiền         |          | 1988 | Kinh    | Rạch Giá - Kiên Giang   | Ấp Bến Trầm, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang       | Kế toán                                    | Đại học Kế toán                             | 2013           | Trung bình      | B            | A         | -                   | Kế toán kiêm văn thư       | 06.031     | Trường Mầm Non Cửa Dương | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Tài chính kế toán, Kế toán, Kế toán tổng hợp, tài chính ngân hàng, kiểm toán | -            | 89,10    | 89,10     | 0943542298                         |         |
| III                                                         |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| TRƯỜNG MẦM NON HÀM NINH                                     |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Kế toán kiêm văn thư: Chỉ tiêu cần tuyển: 01 người |             |                      |          |      |         |                         |                                                    |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                            |            |                          |                                                                                                                  |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                           | 016         | Nguyễn Thị Lan       |          | 1991 | Kinh    | Lương Tài - Bắc Ninh    | 91 Trần Hưng Đạo, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Kế toán                                    | Đại học Kế toán; Thạc sĩ Quản lý kinh tế    | 2016; 2019     | Trung bình khá  | B            | B         | -                   | Kế toán kiêm văn thư       | 06.031     | Trường Mầm Non Hàm Ninh  | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Tài chính kế toán, Kế toán, Kế toán tổng hợp, tài chính ngân hàng, kiểm toán | -            | 84,10    | 84,10     | 0983983765                         |         |

| Số TT                                                    | Số báo danh | Họ và tên            | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                   | Nơi ở hiện nay                                                     | Chuyên ngành đào tạo (theo bằng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ   |           |                     | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Hạng chức danh              | Mã số      | Đơn vị dự tuyển              | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm | Điểm tương đương | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |  |
|----------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------|------|---------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------|-----------|---------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------|------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|----------|-----------|------------------------------------|------------|--|
|                                                          |             |                      | Nam      | Nữ   |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 | Ngouter ngữ | Tin học   | Bài đường nghiệp vụ |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                        |             |                      | 4        | 5    |         | 6                          | 7                                                                  | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13          | 14        |                     | 15                               | 16                          | 17         | 18                           | 8                                                    | 19               |          |           | 20                                 |            |  |
| IV                                                       |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| TRƯỜNG MẦM NON BÀI THƠM                                  |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Mầm Non: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                        | 012         | Đặng Thị Mỹ Hạnh     |          | 1999 | Kinh    | An Minh - Kiên Giang       | Tổ 2, ấp Xẻo Nhàn B, xã Tiên Thanh, An Minh, Kiên                  | Sư phạm Mầm Non                       | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non                    | 2022           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                | Giáo viên Mầm Non hạng III  | V.07.02.26 | Trường Mầm Non Bãi Thơm      | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                     | -                | 96,30    | 96,30     | 0856002084                         |            |  |
| V                                                        |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG ĐÔNG 1                             |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 08 người |             |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                       |                                             |                |                 |             |           |                     |                                  |                             |            |                              |                                                      |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                        | 022         | Nguyễn Thị Thu Hương |          | 1998 | Kinh    | Phủ Quốc - Kiên Giang      | Tổ 10, ấp Khu Tương, Cù Duong, Phú Quốc, Kiên Giang                | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 85,00    | 85,00     | 082436599                          |            |  |
| 2                                                        | 023         | Dương Quốc Cảnh      |          | 1992 | Kinh    | U Minh Thượng - Kiên Giang | Ấp Minh Cường, xã Minh Thuận, U Minh Thượng, Kiên Giang            | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 80,00    | 80,00     | 0374618818                         |            |  |
| 3                                                        | 024         | Dương Ngọc Trinh     |          | 1993 | Kinh    | U Minh Thượng - Kiên Giang | Ấp Minh Cường, xã Minh Thuận, U Minh Thượng, Kiên Giang            | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 87,00    | 87,00     | 0982370255                         |            |  |
| 4                                                        | 025         | Nguyễn Lê Anh Thư    |          | 1997 | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang   | Bến Tràm, Cù Duong, Phú Quốc, Kiên Giang                           | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2019           | Khá             | B           | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 73,00    | 73,00     | 0362690884                         |            |  |
| 5                                                        | 026         | Nguyễn Đức Lợi       |          | 1996 | Kinh    | Trà Tân - An Giang         | Ấp Suối Mây, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang                        | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B           | A         | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 74,00    | 74,00     | 0385940125                         |            |  |
| 6                                                        | 027         | Nguyễn Thụy Ninh     |          | 1997 | Kinh    | Thanh Xuân - Hà Nội        | Khách sạn La Nube, tổ 3 ấp Cửa Lấp, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2020           | Giỏi            | B2          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 77,00    | 77,00     | 0388278892                         |            |  |
| 7                                                        | 028         | Nguyễn Xuân Hồng     |          | 1998 | Kinh    | Rạch Giá - Kiên Giang      | 25 Lê Thị Hồng Gấm, khu phố 1, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang    | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B2          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                | 77,00    | 77,00     | 0886420201                         |            |  |
| 8                                                        | 029         | Thạch Thu Thủy       |          | 1989 | Khmer   | Gò Quao - Kiên Giang       | 39 Hoàng Văn Thụ, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang          | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2015           | Trung bình khá  | B           | B         | -                   | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 1 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | Dân tộc thiểu số | 5        | 83,00     | 88,00                              | 0817207434 |  |

| Số TT                                                                | Số báo danh                  | Họ và tên            | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                   | Nơi ở hiện nay                                                     | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng phân ngành) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |           |                         | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Hạng chức danh              | Mã số      | Đơn vị dự tuyển              | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên             | Điểm ưu tiên     | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |  |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|----------|------|---------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|-----------|-------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|-----------|------------------------------------|------------|--|
|                                                                      |                              |                      | Nam      | Nữ   |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ     |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| I                                                                    |                              |                      | 4        | 5    |         | 6                          | 7                                                                  | 9                                           | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14        | 15                      | 16                               | 17                          | 18         | 8                            | 19                                                                       |                  |          | 20        |                                    |            |  |
| VI                                                                   | TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG ĐỒNG 3 |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 04 người             |                              |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                                    | 030                          | Dư Thủy Dương        |          | 1998 | Kinh    | Gò Quao - Kiên Giang       | Trường Tiểu học Dương Đông 3                                       | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 3 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 90,00    | 90,00     | 0347437098                         |            |  |
| 2                                                                    | 031                          | Lê Thị Hoa           |          | 1997 | Kinh    | Nghị Sơn - Thanh Hóa       | Trường Tiểu học Dương Đông 3                                       | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | A2        | UDCN TTCB | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 3 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 71,50    | 71,50     | 0388245190                         |            |  |
| VII                                                                  | TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG ĐỒNG 4 |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 09 người             |                              |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                                    | 032                          | Võ Thị Bé Thương     |          | 1984 | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang   | Tổ 5, ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang              | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2008           | Trung bình khá  | B         | B         | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 4 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 86,50    | 86,50     | 0975025426                         |            |  |
| 2                                                                    | 033                          | Nguyễn Nhật Vinh     | 1998     |      | Kinh    | U Minh Thượng - Kiên Giang | 391 Nguyễn Trung Trục, Khu phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 4 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 95,00    | 95,00     | 0829220805                         |            |  |
| 3                                                                    | 034                          | Nguyễn Lê Phú        | 1998     |      | Kinh    | Tân Hiệp - Kiên Giang      | 692, tổ 14, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, Rạch Giá, Kiên Giang          | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 4 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 90,00    | 90,00     | 0911154252                         |            |  |
| 4                                                                    | 035                          | Thị Ái Linh          |          | 1989 | Khmer   | Gò Quao - Kiên Giang       | Trần Phú, khu phố 9, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang       | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | A         | A         | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 4 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | Dẫn tộc thiểu số | 5        | 65,00     | 70,00                              | 0943144828 |  |
| 5                                                                    | 036                          | Nguyễn Thị Thu Trang |          | 1996 | Kinh    | Diễn Châu - Nghệ An        | Tổ 2, khu phố 10, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang                 | Giáo dục Tiểu học                           | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2023           | -               | B         | UDCN TTCB | -                       | Giáo viên Tiểu học               | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Đông 4 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                         | -                | 90,00    | 90,00     | 0974226795                         |            |  |
| VIII                                                                 | TRƯỜNG TIỂU HỌC CỬA DƯƠNG 1  |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy tin học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |                              |                      |          |      |         |                            |                                                                    |                                             |                                             |                |                 |           |           |                         |                                  |                             |            |                              |                                                                          |                  |          |           |                                    |            |  |
| 1                                                                    | 014                          | Nguyễn Thị Ánh Tuyết |          | 1989 | Kinh    | Hương Sơn - Hà Tĩnh        | Áp Cây Thông Trơng, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang                | Công nghệ thông tin                         | Đại học công nghệ thông tin                 | 2014           | Trung bình      | TOEIC 660 | ĐH        | Cao đẳng sư phạm Tin-Lý | Giáo viên dạy Tin học            | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Cửa Dương 1  | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tin học; Công nghệ thông tin | -                | 80,00    | 80,00     | 0904887289                         |            |  |

| Số TT                                                    | Số báo danh | Họ và tên            | Nam  | Nữ   | Dân tộc | Quê quán                   | Nơi ở hiện nay                                                  | Chuyên ngành đào tạo (theo bằng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |                | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Hạng chức danh     | Mã số                       | Đơn vị dự tuyển | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm | Đổi tương ưu tiên               | Điểm ưu tiên | Điểm thí điểm | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |               |
|----------------------------------------------------------|-------------|----------------------|------|------|---------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|----------------|----------------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------|-----------|------------------------------------|------------|---------------|
|                                                          |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 | Ngại ngữ  | Tin học        |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            | Bài đường thi |
| 1                                                        |             |                      | 4    | 5    |         | 6                          | 7                                                               | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14             | 15                               | 16                 | 17                          | 18              | 8                                                    | 19                              |              |               |           | 20                                 |            |               |
| IX                                                       |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 |           |                |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            |               |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học; Chỉ tiêu cần tuyển 04 người |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 |           |                |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            |               |
| 1                                                        | 037         | Trương Văn Trung     | 1998 |      | Kinh    | An Minh - Kiên Giang       | 25 Lê Thị Hồng Gấm, khu phố 1, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | CNITT Năng cao | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Cửa Dương 2                          | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 90,00     | 90,00                              | 0945393236 |               |
| 2                                                        | 038         | Ngô Thị Cẩm Thủy     |      | 1997 | Kinh    | Cao Lỗc - Hà Tĩnh          | Tổ 2, ấp Cây Thông Ngoại, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang       | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B         | UDCN TTCB      | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Cửa Dương 2                          | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 90,00     | 90,00                              | 0813120312 |               |
| 3                                                        | 039         | Hồ Thị Minh Anh      |      | 1997 | Kinh    | Phù Quốc - Kiên Giang      | Ấp Khu Tương, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang                   | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Giỏi            | B1        | A              | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Cửa Dương 2                          | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 85,50     | 85,50                              | 0338212746 |               |
| X                                                        |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 |           |                |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            |               |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG TƠ 2                               |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 |           |                |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            |               |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học; Chỉ tiêu cần tuyển 06 người |             |                      |      |      |         |                            |                                                                 |                                       |                                             |                |                 |           |                |                                  |                    |                             |                 |                                                      |                                 |              |               |           |                                    |            |               |
| 1                                                        | 042         | Trần Thị Thanh Tuyền |      | 1995 | Kinh    | An Minh - Kiên Giang       | Tổ 4, khu phố 8, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang                  | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | A         | A              | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Dương Tô 2                           | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 75,00     | 75,00                              | 0865738977 |               |
| 2                                                        | 043         | Phạm Hồng Nhung      |      | 1997 | Kinh    | Bình Thành - Thành phố HCM | Tổ 4, khu phố 2, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang                  | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | UDCN TTCB      | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Dương Tô 2                           | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 67,00     | 67,00                              | 0336617994 |               |
| 3                                                        | 044         | Trần Phú             |      | 1993 | Kinh    | Hòn Dài - Kiên Giang       | Tổ 8, ấp Suối Lớn, Dương Tô, Phú Quốc, Kiên Giang               | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B         | A              | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Dương Tô 2                           | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 77,00     | 77,00                              | 0966511740 |               |
| 4                                                        | 045         | Trần Thị Phương Anh  |      | 1999 | Kinh    | Tân Kỳ - Nghệ An           | Dương Osaka, Tổ 2, khu phố 7, An Thới, Kiên Giang               | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2021           | Khá             | B1        | -              | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Dương Tô 2                           | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 81,80     | 81,80                              | 0362827755 |               |
| 5                                                        | 046         | Võ Huỳnh Như         |      | 1998 | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang   | Ấp Ngã Con, xã Long Thành, Giồng Riềng, Kiên Giang              | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1        | UDCN TTCB      | -                                | Giáo viên Tiểu học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29      | Trường Tiểu học Dương Tô 2                           | Đại học sư phạm Tiểu học từ lên | -            |               | 72,80     | 72,80                              | 0825989176 |               |

| Số TT                                                                  | Số báo danh | Họ và tên            | Năm sinh |    | Dân tộc | Quê quán              | Nơi ở hiện nay (theo bảng đăng ký tạm trú)            | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng đăng ký tạm trú) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |           |                                       | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển | Mã số      | Đơn vị dự tuyển            | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm                                               | Điểm ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------|----|---------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------------------------|----------------------------------|------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-----------|------------------------------------|---------|
|                                                                        |             |                      | Nam      | Nữ |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ                   |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                      |             |                      | 4        | 5  |         | 6                     | 7                                                     | 9                                                | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14        | 15                                    | 16                               | 17         | 18                         | 8                                                                                                  | 19           |          |           | 20                                 |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy tin học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người   |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                      | 021         | Đình Thắng           | 1986     |    | Kinh    | Bình Sơn - Quảng Ngãi | Tổ 3, khu phố II, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang       | Sư phạm Tin học                                  | Đại học sư phạm Tin học                     | 2010           | Khá             | B1        | ĐH        | -                                     | Giáo viên tiểu học dạy Tin học   | V.07.03.29 | Trường Tiểu học Dương Tơ 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tin học; Công nghệ thông tin                           | -            | 55,00    | 55,00     | 0933827547                         |         |
| - Vị trí Văn thư: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người                          |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                      | 019         | Trần Thị Thu Hà      | 1996     |    | Kinh    | Lý Nhân - Hà Nam      | Khu phố 2, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang       | Giáo dục Tiểu học                                | Cao đẳng sư phạm Tiểu học                   | 2017           | Giỏi            | B         | A         | Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư - lưu trữ | Văn thư                          | 02.008     | Trường Tiểu học Dương Tơ 2 | Trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ hoặc trung cấp trở lên chuyên ngành khác | -            | 88,50    | 88,50     | 0364170093                         |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI 1                                              |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người               |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                      | 047         | Trần Thị Mai Xuân    | 2001     |    | Kinh    | Diễn Châu - Nghệ An   | Tổ 2, khu phố 8, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang        | Giáo dục Tiểu học                                | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2023           | Xuất sắc        | Bậc 3     | UDCN TTCB | -                                     | Giáo viên tiểu học               | V.07.03.29 | Trường Tiểu học An Thới 1  | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                                                   | -            | 86,00    | 86,00     | 0383817377                         |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI 2                                              |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng anh: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |             |                      |          |    |         |                       |                                                       |                                                  |                                             |                |                 |           |           |                                       |                                  |            |                            |                                                                                                    |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                      | 063         | Nguyễn Thị Thu Hòa   | 1998     |    | Kinh    | Cửa Lò - Nghệ An      | Tổ 8, khu phố 6, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Tiếng anh                                | Đại học Sư phạm Tiếng anh                   | 2021           | Khá             | B         | UDCN TTCB | Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng anh      | Giáo viên Tiểu học hạng III      | V.07.03.29 | Trường Tiểu học An Thới 2  | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Tiếng anh; Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh          | -            | 90,00    | 90,00     | 0345871333                         |         |
| 2                                                                      | 064         | Nguyễn Thị Đình Thía | 1995     |    | Kinh    | Đồng Xuân - Phú Yên   | Áp Đường Bào, xã Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang       | Sư phạm Tiếng anh                                | Đại học Sư phạm Tiếng anh                   | 2017           | Khá             | B         | B         | Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng anh      | Giáo viên Tiểu học hạng III      | V.07.03.29 | Trường Tiểu học An Thới 2  | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh                     | -            | 81,00    | 81,00     | 0379333714                         |         |

| Số TT                                                                       | Số báo danh | Họ và tên          | Nam  | Nữ   | Dân tộc | Quê quán                 | Nơi ở hiện nay                                        | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |           |           | Vị trí việc làm đang ký dự tuyển      | Hạng chức danh                     | Mã số      | Đơn vị dự tuyển           | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm | Đổi tương đương tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm  | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|------|------|---------|--------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|---------------------------------------|------------------------------------|------------|---------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|--------------|----------|------------|------------------------------------|---------|
|                                                                             |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 | Ngại nghề | Ngại nghề | Ngại nghề |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                           |             |                    | 4    | 5    |         | 6                        | 7                                                     | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14        | 15        | 16                                    | 17                                 | 18         | 8                         | 19                                                   |                      |              |          | 20         |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục; Chỉ tiêu cần tuyển: 01 người       |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                           | 059         | Nguyễn Quốc Sung   | 1994 |      | Kinh    | Đức Phổ - Quảng Ngãi     | Khu phố 9, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang           | Giáo dục thể chất                     | Cử nhân Giáo dục thể chất                   | 2017           | Khá             | B         | B         | -         | Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục        | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường Tiểu học An Thới 2 | Đại học sư phạm Thể dục thể thao trở lên             | -                    | 66,00        | 66,00    | 0384283771 |                                    |         |
| XIII                                                                        |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ CỬA DƯƠNG                                |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Thể dục; Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                           | 071         | Trương Đỗ Vĩnh     | 1982 |      | Kinh    | Quận 5 - Thành phố HCM   | Khu phố 2, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang    | Giáo dục thể chất                     | Cử nhân Giáo dục thể chất                   | 2015           | Khá             | -         | -         | -         | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Thể dục | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường THPTCS Cửa Dương   | Đại học sư phạm thể dục thể thao trở lên             | -                    | 50,00        | 50,00    | 0945070782 |                                    |         |
| XIV                                                                         |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ CÀNH DẦU                                 |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học; Chỉ tiêu cần tuyển 09 người                    |             |                    |      |      |         |                          |                                                       |                                       |                                             |                |                 |           |           |           |                                       |                                    |            |                           |                                                      |                      |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                           | 048         | Lê Hoàng Hòa Thuận |      | 1999 | Kinh    | Phủ Xuyên - Hà Nội       | Số nhà 44, tổ 18, Tân Hà B, Tân Hiệp, Kiên Giang      | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    |              | 0,00     | 0395719730 | Vắng                               |         |
| 2                                                                           | 049         | Trần Hồng Đạt      | 1992 |      | Kinh    | Hòn Dấu - Kiên Giang     | Ấp Suối Cắt, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang          | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2016           | Khá             | B         | A         | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    | 71,30        | 71,30    | 0988634213 |                                    |         |
| 3                                                                           | 050         | Phạm Phú Thọ       | 1974 |      | Kinh    | Long Xuyên - An Giang    | Tổ 4, ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, Phú Quốc, Kiên Giang  | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2003           | Trung bình khá  | B         | A         | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    | 59,30        | 59,30    | 0914351936 |                                    |         |
| 4                                                                           | 051         | Lê Co Phát         | 1993 |      | Kinh    | Thới Sơn - An Giang      | Khóm Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, Thới Sơn, An Giang | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2019           | Khá             | A2        | A         | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    | 61,30        | 61,30    | 0363082049 |                                    |         |
| 5                                                                           | 052         | Lê Thị Phương Lam  | 1995 |      | Kinh    | Anh Sơn - Ngự An         | 84 Nguyễn Biền, phường Vĩnh Lợi, Rạch Giá, Kiên Giang | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2019           | Khá             | B         | B         | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    | 56,50        | 56,50    | 0965334377 |                                    |         |
| 6                                                                           | 053         | Danh Hoàng Vũ      | 1997 |      | Khmer   | Giồng Riềng - Kiên Giang | Tổ 7, khu phố 4, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang        | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | Dân tộc thiểu số     | 5            | 68,30    | 73,30      | 0944908140                         |         |
| 7                                                                           | 054         | Lê Văn Hoài Phong  | 1999 |      | Kinh    | An Minh - Kiên Giang     | Ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, Phú Quốc, Kiên Giang        | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -         | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29 | Trường THPTCS Gành Dầu    | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                     | -                    | 69,00        | 69,00    | 0886782741 |                                    |         |

| Số TT                                                                        | Số báo danh                                 | Họ và tên          | Năm sinh |      | Dân tộc | Quốc quán              | Nơi ở hiện nay                                            | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo)     | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |           |                     | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển       | Hạng chức danh | Mã số                                       | Đơn vị dự tuyển                                                                                 | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên              | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Số diện thi liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |  |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|----------|------|---------|------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|-----------|---------------------|----------------------------------------|----------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------|----------------------------------|------------|--|
|                                                                              |                                             |                    | Nam      | Nữ   |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| I                                                                            |                                             |                    | 4        | 5    |         | 6                      | 7                                                         | 9                                     | 10                                              | 11             | 12              | 13        | 14        | 15                  | 16                                     | 17             | 18                                          | 8                                                                                               | 19                                                                        |              | 20        |                                  |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng anh: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người       |                                             |                    |          |      |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 |           |           |                     |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| 1                                                                            | 065                                         | Hồ Lê Thị Kim Ngân |          | 1996 | Kinh    | Phù Mỹ - Bình Định     | 91 Hoàng Văn Thụ, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Tiếng anh                     | Đại học sư phạm Tiếng anh                       | 2022           | Khá             | B         | A         | -                   | Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng anh       | V.07.03.29     | Trường TH&THCS Gành Dầu                     | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh Việt học; sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ anh | -                                                                         | 60,00        | 60,00     | 0772162282                       |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |                                             |                    |          |      |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 |           |           |                     |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| 1                                                                            | 092                                         | Mai Thị Thu Huyền  |          | 1992 | Kinh    | Mỹ Lộc - Nam Định      | Tổ 3, ấp 2, xã Cửa Cạn, Phú Quốc, Kiên Giang              | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh thái học | 2016; 2018     | Khá             | B1        | -         | -                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học | V.07.04.32     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gành Dầu | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                                                | -                                                                         | 62,50        | 62,50     | 0829033193                       |            |  |
| - Vị trí Kế toán: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người                                |                                             |                    |          |      |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 |           |           |                     |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| I                                                                            | 017                                         | Hồ Thị Kim Ngân    |          | 2001 | Kinh    | Rạch Giá - Kiên Giang  | 173/5 Cách Mạng Tháng 8, Tỉnh Lộ, Rạch Giá, Kiên Giang    | Kế toán                               | Đại học Kế toán                                 | 2023           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -                   | Kế toán                                | -              | 06.031                                      | Trường TH&THCS Gành Dầu                                                                         | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Tài chính kế toán, kế toán, Kiểm toán | -            | 0,00      | 0916537859                       | Vắng       |  |
| XV                                                                           | TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BÀI THƠM |                    |          |      |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 |           |           |                     |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Ngữ văn: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |                                             |                    |          |      |         |                        |                                                           |                                       |                                                 |                |                 |           |           |                     |                                        |                |                                             |                                                                                                 |                                                                           |              |           |                                  |            |  |
| 1                                                                            | 074                                         | Phan Thị Ngọc Linh |          | 1998 | Kinh    | Tuyên Hòa - Quảng Bình | Tổ 3, khu phố 4, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang     | Sư phạm Ngữ văn                       | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                         | 2021           | Giỏi            | B1        | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Ngữ văn  | V.07.04.32     | Trường TH&THCS Bãi Thơm                     | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                                                 | -                                                                         | 90,00        | 90,00     | 0395966177                       |            |  |
| 2                                                                            | 075                                         | Thị Lưu Niêm       |          | 1999 | Khmer   | Gò Quao - Kiên Giang   | Tổ 3, ấp Rạch Hùm, Hầm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang         | Sư phạm Ngữ văn                       | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                         | 2022           | Giỏi            | B1        | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Ngữ văn  | V.07.04.32     | Trường TH&THCS Bãi Thơm                     | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                                                 | Dẫn topic thiếu số                                                        | 5            | 93,50     | 98,50                            | 0383466576 |  |
| 3                                                                            | 076                                         | Huỳnh Nhật Tâm     | 1979     |      | Không   | Mỹ Tho - Tiền Giang    | Tổ 4, ấp Bãi Vồng, Hầm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang         | Sư phạm Ngữ văn                       | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                         | 2006           | Trung bình      | -         | -         | -                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Ngữ văn  | V.07.04.32     | Trường TH&THCS Bãi Thơm                     | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                                                 | -                                                                         | 63,30        | 63,30     | 0939069054                       |            |  |

| Số TT                                                                        | Số báo danh | Họ và tên          | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                 | Nơi ở hiện nay                                                   | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ   |           | Vị trí việc làm đang ký dự tuyển | Hạng chức danh                        | Mã số                              | Đơn vị dự tuyển | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm | Điểm tương đương ưu tiên                 | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú    |               |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|----------|------|---------|--------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------|-----------|----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------|-----------|------------------------------------|------------|---------------|
|                                                                              |             |                    | Nam      | Nữ   |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 | Ngouter ngữ | Tin học   |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            | Bài đường thi |
| 1                                                                            |             |                    | 4        | 5    |         | 6                        | 7                                                                | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13          | 14        | 15                               | 16                                    | 17                                 | 18              | 8                                                    | 19                                       |          |           | 20                                 |            |               |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Hóa học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 061         | Nguyễn Tấn Bảo     | 1998     |      | Kinh    | An Biên - Kiên Giang     | Ấp 5, Biền A, Nam Thới, An Biên, Kiên Giang                      | Sư phạm Hóa học                       | Cử nhân Sư phạm Hóa học                     | 2020           | Khá             | B2          | UDCN TTCB | -                                | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Hóa học | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32      | Trường THPTCS Bật Thơm                               | Đại học sư phạm Hóa học trở lên          | -        | 70,80     | 70,80                              | 0343292703 |               |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Địa lý: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người   |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 062         | Ngô Thùy Tiên      |          | 1998 | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang | 334, Nguyễn Văn Cừ, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang                | Sư phạm Địa lý                        | Cử nhân Sư phạm Địa lý                      | 2020           | Giỏi            | A           | A         | -                                | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Địa lý  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32      | Trường THPTCS Bật Thơm                               | Đại học sư phạm Địa lý trở lên           | -        | 0,00      | 0855676467                         | Vắng       |               |
| XVI                                                                          |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀM NINH                                  |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 04 người                       |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 055         | Trần Ngọc Bảo Châu |          | 1999 | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang | Tổ 3, ấp Rạch Hầm, Hàm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang                | Giáo dục Tiểu học                     | Đại học sư phạm Tiểu học                    | 2022           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                                | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29      | Trường THPTCS Hàm Ninh                               | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên         | -        | 67,30     | 67,30                              | 0706307039 |               |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học dạy Mỹ thuật: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người        |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 060         | Vũ Viễn Dương      |          | 1987 | Kinh    | Mê Linh - Hà Nội         | Geckohome stay, tổ 8, ấp Bãi Bón, Hàm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Mỹ thuật                      | Đại học sư phạm Mỹ thuật                    | 2009           | Khá             | C           | -         | -                                | Giáo viên Tiểu học dạy Mỹ thuật       | Giáo viên Tiểu học hạng III        | V.07.03.29      | Trường THPTCS Hàm Ninh                               | Đại học sư phạm Mỹ thuật trở lên         | -        | 62,50     | 62,50                              | 0345885889 |               |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Thể dục: Chỉ tiêu cần tuyển: 01 người |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 072         | Trần Tấn Hậu       |          | 1992 | Kinh    | Núi Thanh - Quảng Nam    | Tổ 6, ấp Rạch Hầm, Hàm Ninh, Phú Quốc, Kiên Giang                | Giáo dục thể chất                     | Đại học Giáo dục thể chất                   | 2015           | Khá             | B           | B         | -                                | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Thể dục | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32      | Trường THPTCS Hàm Ninh                               | Đại học sư phạm Thể dục thể thao trở lên | -        | 53,50     | 53,50                              | 0793699733 |               |
| XVII                                                                         |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BÀI BÓN                                   |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Lịch sử: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |             |                    |          |      |         |                          |                                                                  |                                       |                                             |                |                 |             |           |                                  |                                       |                                    |                 |                                                      |                                          |          |           |                                    |            |               |
| 1                                                                            | 083         | Nguyễn Văn Tài     |          | 2000 | Kinh    | Campuchia                | Tổ 2, ấp Lã Bất, Cửa Can, Phú Quốc, Kiên Giang                   | Sư phạm lịch sử                       | Cử nhân sư phạm Lịch sử                     | 2023           | Khá             | B1          | UDCN TTCB | -                                | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Lịch sử | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32      | Trường THPTCS Bật Bón                                | Đại học sư phạm Lịch sử trở lên          | -        | 52,50     | 52,50                              | 0765959200 |               |

| Số TT                                                                         | Số báo danh | Họ và tên           | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                 | Nơi ở hiện nay                                                | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng phân bổ) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |                                    |                                         | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển      | Hạng chức danh                     | Mã số                                        | Đơn vị dự tuyển                                                                                                 | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm  | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------|------|---------|--------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------|----------|------------|------------------------------------|---------|
|                                                                               |             |                     | Nam      | Nữ   |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học                            | Bồi dưỡng nghiệp vụ                     |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                             |             |                     | 4        | 5    |         | 6                        | 7                                                             | 9                                        | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14                                 | 15                                      | 16                                    | 17                                 | 18                                           | 8                                                                                                               | 19                                                           |              |          | 20         |                                    |         |
| 2                                                                             | 084         | Lưu Thị Huỳnh Như   |          | 1992 | Kinh    | Giá Rai - Bạc Liêu       | Cảng Vĩnh Đầm, ấp Suối Lớn, Dương Tơ, Phú Quốc                | Sư phạm lịch sử                          | Cử nhân sư phạm Lịch sử                     | 2014           | Giỏi            | B         | B                                  | -                                       | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Lịch sử | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32                                   | Trường THPTCS Bãi Bón                                                                                           | Đại học sư phạm Lịch sử trở lên                              | -            | 68,50    | 68,50      | 0857579335                         |         |
| 3                                                                             | 085         | Lê Minh Thuận       | 2000     |      | Kinh    | Giồng Riềng - Kiên Giang | xã Thanh Hòa, Giồng Riềng, Kiên Giang                         | Sư phạm lịch sử                          | Cử nhân sư phạm Lịch sử                     | 2022           | Giỏi            | B1        | UDCN TTCB                          | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Lịch sử   | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường THPTCS Bãi Bón                        | Đại học sư phạm Lịch sử trở lên                                                                                 | -                                                            | 86,30        | 86,30    | 0362047980 |                                    |         |
| 4                                                                             | 086         | Trần Biên Chương    | 1996     |      | Kinh    | Tịnh Biên - An Giang     | Khu phố 10, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang                  | Sư phạm lịch sử                          | Cử nhân sư phạm Lịch sử                     | 2018           | Khá             | B         | UDCN TTCB                          | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Lịch sử   | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường THPTCS Bãi Bón                        | Đại học sư phạm Lịch sử trở lên                                                                                 | -                                                            | 67,00        | 67,00    | 0787875604 |                                    |         |
| XVIII                                                                         |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ DƯƠNG ĐỒNG 1                                           |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý; Chỉ tiêu cần tuyển 01 người    |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                             | 097         | Trịnh Hồ Ngân Khánh |          | 1995 | Kinh    | Bình Thủy - Cần Thơ      | Ấp 3, Cửa Can, Phú Quốc, Kiên Giang                           | Sư phạm Vật lý                           | Cử nhân Sư phạm Vật lý                      | 2017           | Giỏi            | B         | UDCN TTCB                          | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý    | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường Trung học cơ sở Dương Đông 1          | Đại học sư phạm trở lên chuyên ngành: Vật lý, Lý - Hóa                                                          | -                                                            | 52,30        | 52,30    | 0945203243 |                                    |         |
| XIX                                                                           |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| - Vị trí Văn thư; Chỉ tiêu cần tuyển 01 người                                 |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                             | 020         | Phạm Thị Trang      |          | 1994 | Kinh    | Nam Đàn - Nghệ An        | Tổ 2, khu phố 7, phường An Thái, Phú Quốc, Kiên Giang         | Quản trị văn phòng                       | Cao đẳng Quản trị văn phòng                 | 2015           | Trung bình      | -         | Chứng chỉ Sơ cấp Văn thư - Lưu trữ | Văn thư                                 | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | 02.008                             | Trường Trung học cơ sở An Thới 1             | Trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ hoặc trung cấp trở lên chuyên ngành: Văn thư, Lưu trữ | Con thương binh                                              | 5            | 94,00    | 99,00      | 0338229098                         |         |
| XX                                                                            |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ AN THỚI 2                                  |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh; Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |             |                     |          |      |         |                          |                                                               |                                          |                                             |                |                 |           |                                    |                                         |                                       |                                    |                                              |                                                                                                                 |                                                              |              |          |            |                                    |         |
| 1                                                                             | 066         | Trần Kim Thương     |          | 1998 | Kinh    | Phủ Quốc - Kiên Giang    | Đường Nguyễn Huệ, khu phố 8, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Phương pháp giảng dạy Tiếng anh          | Cử nhân Ngôn ngữ Anh                        | 2021           | Khá             | -         | Tin học ứng dụng                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ Anh                                             | -                                                            | 65,00        | 65,00    | 0939740981 |                                    |         |
| 2                                                                             | 067         | Phạm Thị Tường Vui  |          | 1994 | Kinh    | Núi Thành - Quảng Nam    | Nhà công vụ Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4                   | Sư phạm Tiếng anh                        | Đại học sư phạm Tiếng anh                   | 2019           | Khá             | -         | B                                  | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ Anh                                             | -                                                            | 87,00        | 87,00    | 0387610047 |                                    |         |
| 3                                                                             | 068         | Ngô Phương Anh      |          | 2000 | Kinh    | Kiến Xương - Thái Bình   | Tổ 9, Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình        | Sư phạm Tiếng anh                        | Đại học sư phạm Tiếng anh                   | 2023           | Khá             | -         | -                                  | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III    | V.07.04.32                         | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ Anh                                             | -                                                            | 37,00        | 37,00    | 0904143420 |                                    |         |

| Số TT                                                                        | Số báo danh | Họ và tên           | Năm sinh |      | Dân tộc | Quốc quán                | Nơi ở hiện nay                                                    | Chuyên ngành đào tạo (theo bằng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |           |               | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển        | Hạng chức danh                     | Mã số      | Đơn vị dự tuyển                              | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm                | Đổi tương đương ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------|------|---------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|-----------|---------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------|----------|-----------|------------------------------------|---------|
|                                                                              |             |                     | Nam      | Nữ   |         |                          |                                                                   |                                       |                                             |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học   | Bài đường thi |                                         |                                    |            |                                              |                                                                     |                         |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                            |             |                     | 4        | 5    |         | 6                        | 7                                                                 | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13        | 14        |               | 15                                      | 16                                 | 17         | 18                                           | 8                                                                   | 19                      |              |          |           | 20                                 |         |
| 4                                                                            | 069         | Lê Thị Bảo Yến      |          | 1997 | Kinh    | Đức Phổ - Quảng Ngãi     | Tổ 6, khu phố 5, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang             | Sư phạm Tiếng anh                     | Đại học sư phạm Tiếng anh                   | 2019           | Giỏi            | -         | UDCN TTCB | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ Anh | -                       |              | 88,00    | 88,00     | 0345157444                         |         |
| 5                                                                            | 070         | Trần Tuấn Khoa      | 1999     |      | Kinh    | Phú Quốc - Kiên Giang    | Hẻm 22/5, đường 30/4, khu phố 1, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Tiếng anh                     | Đại học sư phạm Tiếng anh                   | 2022           | Khá             | -         | UDCN TTCB | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tiếng anh | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Sư phạm Tiếng anh; Ngôn ngữ Anh | -                       |              | 66,00    | 66,00     | 0765402916                         |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |             |                     |          |      |         |                          |                                                                   |                                       |                                             |                |                 |           |           |               |                                         |                                    |            |                                              |                                                                     |                         |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                            | 087         | Thần Thị Kim Phương |          | 1996 | Kinh    | Yên Thới - Bắc Giang     | Tổ 6, khu phố 6, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang             | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh học  | 2018; 2021     | Giỏi            | B1        | IC3       | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                    | -                       |              | 86,00    | 86,00     | 038437369                          |         |
| 2                                                                            | 088         | Bùi Thị Quỳnh       |          | 1999 | Kinh    | Quỳnh Lân - Nghệ An      | Xóm Thọ Phú, Quỳnh Thọ, Quỳnh Lân, Nghệ An                        | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học                    | 2021           | Khá             | -         | -         | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                    | -                       |              |          | 0,00      | 0963318267                         |         |
| 3                                                                            | 089         | Lê Thị Hải Lê       |          | 2000 | Kinh    | Thị trấn Hòa - Thanh Hóa | Tổ 5, khu phố 8, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang             | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học                    | 2022           | Khá             | B1        | UDCN TTCB | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                    | -                       |              | 86,50    | 86,50     | 0388618494                         |         |
| 4                                                                            | 090         | Đỗ Thị Hòa          |          | 1995 | Kinh    | Lập Thạch - Vĩnh Phúc    | ĐT 97/5, ấp Đường Bao, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang             | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học                    | 2017           | Giỏi            | Bậc 2     | IC3       | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                    | -                       |              | 91,00    | 91,00     | 0389926726                         |         |
| 5                                                                            | 091         | Trần Thanh Sang     | 1981     |      | Kinh    | Tân Hiệp - Kiên Giang    | 243 Tân Hiệp - Kiên Giang                                         | Sư phạm Sinh học                      | Đại học sư phạm Sinh học                    | 2009           | Trung bình khá  | A         | -         | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Sinh học  | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm Sinh học trở lên                                    | -                       |              | 28,75    | 28,75     | 0939554636                         |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người   |             |                     |          |      |         |                          |                                                                   |                                       |                                             |                |                 |           |           |               |                                         |                                    |            |                                              |                                                                     |                         |              |          |           |                                    |         |
| 1                                                                            | 093         | Nguyễn Thị Thu Uyên |          | 2000 | Kinh    | Phủ Xuyên - Hà Nội       | 22 Lê Quý Đôn, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang                      | Sư phạm Vật lý                        | Đại học sư phạm Vật lý                      | 2023           | Khá             | A2        | UDCN TTCB | -             | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý    | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III | V.07.04.32 | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm trở lên thuộc các chuyên ngành: Vật lý; Lý - Tin    | -                       |              | 24,50    | 24,50     | 0978083943                         |         |



| Số TT                                                                       | Số báo danh                                          | Họ và tên         |   | Năm sinh |      | Dân tộc                  | Quê quán                                                     | Nơi ở hiện nay    | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ |         |                                       | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển                | Hạng chức danh | Mã số                                        | Đơn vị dự tuyển                                                  | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Chú chú |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|---|----------|------|--------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|---------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------|-----------|------------------------------------|---------|
|                                                                             |                                                      |                   |   | Nam      | Nữ   |                          |                                                              |                   |                                       |                                             |                |                 | Ngoại ngữ | Tin học | Bồi dưỡng nghiệp vụ                   |                                                 |                |                                              |                                                                  |                                                              |              |           |                                    |         |
| 1                                                                           |                                                      | 4                 | 5 |          | 6    | 7                        |                                                              | 9                 | 10                                    | 11                                          | 12             | 13              | 14        |         | 15                                    | 16                                              | 17             | 18                                           | 8                                                                | 19                                                           |              | 20        |                                    |         |
| 2                                                                           | 094                                                  | Ngô Thị Mỹ Hà     |   | 1998     | Kinh | Quảng Trạch - Quảng Bình | Tổ 3, khu phố 4, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang               | Sư phạm Vật lý    | Đại học sư phạm Vật lý                | 2020                                        | Khá            | B               | UDCN TTCB | -       | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý  | Giáo viên Trung học cơ sở An Thới 2             | V.07.04.32     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm trở lên thuộc các chuyên ngành: Vật lý; Lý - Tin | -                                                            | 45,50        | 45,50     | 0947675845                         |         |
| 3                                                                           | 095                                                  | Nguyễn Thị Thanh  |   | 1991     | Kinh | Đô Lương - Nghệ An       | Xóm Bình Cát, Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An                    | Sư phạm Vật lý    | Đại học sư phạm Vật lý                | 2014                                        | Khá            | B               | B         | -       | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý  | Giáo viên Trung học cơ sở An Thới 2             | V.07.04.32     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm trở lên thuộc các chuyên ngành: Vật lý; Lý - Tin | -                                                            | 65,50        | 65,50     | 0339994122                         |         |
| 4                                                                           | 096                                                  | Lê Thị Thon       |   | 1995     | Kinh | Hòa Bình - Bạc Liêu      | Tổ 5, khu phố 2, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang               | Sư phạm Vật lý    | Đại học sư phạm Vật lý                | 2019                                        | Khá            | B               | A         | -       | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Vật lý  | Giáo viên Trung học cơ sở An Thới 2             | V.07.04.32     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học Sư phạm trở lên thuộc các chuyên ngành: Vật lý; Lý - Tin | -                                                            | 35,30        | 35,30     | 0963082788                         |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 03 người                    |                                                      |                   |   |          |      |                          |                                                              |                   |                                       |                                             |                |                 |           |         |                                       |                                                 |                |                                              |                                                                  |                                                              |              |           |                                    |         |
| 1                                                                           | 056                                                  | Tô Thị Sơn        |   | 1995     | Kinh | Nam Đàn - Nghệ An        | Số 61, Chương Dương, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang    | Giáo dục Tiểu học | Đại học sư phạm Tiểu học              | 2021                                        | Khá            | B               | B         | -       | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | V.07.03.29     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                 | -                                                            | 90,00        | 90,00     | 0967321457                         |         |
| 2                                                                           | 057                                                  | Trần Thị Giang    |   | 1991     | Kinh | Sơn Tịnh - Quảng Ngãi    | 469, Nguyễn Văn Cừ, khu phố 4, An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang | Giáo dục Tiểu học | Đại học sư phạm Tiểu học              | 2020                                        | Khá            | B               | B         | -       | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | V.07.03.29     | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2 | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                 | -                                                            | 76,50        | 76,50     | 0981047291                         |         |
| XXI                                                                         | TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRUNG TRỰC |                   |   |          |      |                          |                                                              |                   |                                       |                                             |                |                 |           |         |                                       |                                                 |                |                                              |                                                                  |                                                              |              |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Tiểu học: Chỉ tiêu cần tuyển 04 người                    |                                                      |                   |   |          |      |                          |                                                              |                   |                                       |                                             |                |                 |           |         |                                       |                                                 |                |                                              |                                                                  |                                                              |              |           |                                    |         |
| 1                                                                           | 058                                                  | Nguyễn Tấn Toàn   |   | 1990     | Kinh | Đức Phổ - Quảng Ngãi     | Tổ 2, khu phố 6, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang     | Giáo dục Tiểu học | Đại học sư phạm Tiểu học              | 2022                                        | Khá            | B               | B         | -       | Giáo viên Tiểu học                    | Giáo viên Tiểu học hàng III                     | V.07.03.29     | Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trục             | Đại học sư phạm Tiểu học trở lên                                 | -                                                            | 79,30        | 79,30     | 0396054715                         |         |
| - Vị trí Giáo viên trung học cơ sở dạy Thể dục: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |                                                      |                   |   |          |      |                          |                                                              |                   |                                       |                                             |                |                 |           |         |                                       |                                                 |                |                                              |                                                                  |                                                              |              |           |                                    |         |
| 1                                                                           | 073                                                  | Trương Phúc Trọng |   | 1994     | Kinh | Hòn Đất - Kiên Giang     | Tổ 1, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang          | Giáo dục thể chất | Cử nhân Giáo dục thể chất             | 2018                                        | Khá            | B               | A         | -       | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Thể dục | Giáo viên Trung học và THPTCS Nguyễn Trung Trục | V.07.04.32     | Trường TH&THCS Nguyễn Trung Trục             | Đại học sư phạm thể dục thể thao trở lên                         | -                                                            | 64,00        | 64,00     | 0345630168                         |         |

| Số TT                                                                          | Số báo danh | Họ và tên            | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                | Nơi ở hiện nay                                                           | Chuyên ngành đào tạo (theo bằng điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ  |           |                     | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển         | Hạng chức danh                         | Mã số      | Đơn vị dự tuyển                                        | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm                       | Đổi tuyển ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------|------|---------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|------------|-----------|---------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|-----------|------------------------------------|---------|
|                                                                                |             |                      | Nam      | Nữ   |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 | Ngành nghề | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| 1                                                                              |             |                      | 4        | 5    |         | 6                       | 7                                                                        | 9                                     | 10                                          | 11             | 12              | 13         | 14        |                     | 15                                       | 16                                     | 17         | 18                                                     | 8                                                                          | 19                |          |           | 20                                 |         |
| XXII                                                                           |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ THỐ CHÂU                                    |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Mầm Non: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người                        |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| 1                                                                              | 013         | Lê Thị Huyền Trang   |          | 2000 | Kinh    | Thanh Chương - Nghệ An  | Xóm 2, Nghi Phương, Nghi Lộc, Nghệ An                                    | Giáo dục Mầm Non                      | Đại học sư phạm Mầm Non                     | 2022           | Khá             | B1         | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Mầm Non                        | Giáo viên Mầm Non hạng III             | V.07.02.26 | Trường THPTCS Thố Châu                                 | Cao đẳng Sư phạm Mầm Non trở lên                                           | -                 | 78,80    | 78,80     | 0877631665                         |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tin học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người    |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| 1                                                                              | 040         | Võ Thị Hạnh Vi       |          | 1995 | Kinh    | An Minh - Kiên Giang    | Tổ 3, ấp Bãi Ngự, Thố Châu, Phú Quốc                                     | Sư phạm Tin học                       | Cử nhân Sư phạm Tin học                     | 2021           | Khá             | B1         | DH        | -                   | Giáo viên Trung học cơ sở dạy Tin học    | Giáo viên Trung học cơ sở hạng III     | V.07.04.32 | Trường THPTCS Thố Châu                                 | Đại học sư phạm trở lên chuyên ngành: Sư phạm Tin học; Công nghệ thông tin | -                 | 53,50    | 53,50     | 0978191849                         |         |
| XXIII                                                                          |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN                         |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học phổ thông dạy Vật lý: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| 1                                                                              | 041         | Nguyễn Thị Thu       |          | 1991 | Kinh    | Tam Điệp - Ninh Bình    | Nhà công vụ Cảnh sát biển 4, ấp Suối Lớn, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Vật lý                        | Đại học sư phạm Vật lý                      | 2014           | Trung bình      | -          | -         | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Vật lý | Giáo viên Trung học phổ thông hạng III | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Vật lý trở lên                                             | -                 | 71,80    | 71,80     | 0941635700                         |         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người   |             |                      |          |      |         |                         |                                                                          |                                       |                                             |                |                 |            |           |                     |                                          |                                        |            |                                                        |                                                                            |                   |          |           |                                    |         |
| 1                                                                              | 077         | Thái Kim Quyên       |          | 1997 | Kinh    | Rạch Giá - Kiên Giang   | Hẻm 5, khu phố 10, CMTR, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang                | Sư phạm Toán                          | Cử nhân sư phạm Toán                        | 2020           | Giỏi            | -          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán   | Giáo viên Trung học phổ thông hạng III | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                               | -                 | 75,00    | 75,00     | 0783969167                         |         |
| 2                                                                              | 078         | Nguyễn Công Thám     |          | 1994 | Kinh    | Châu Thành - Kiên Giang | Hẻm 47, Mác Cui, khu phố 4, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang             | Sư phạm Toán                          | Cử nhân Sư phạm Toán                        | 2016           | Khá             | A2         | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán   | Giáo viên Trung học phổ thông hạng III | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                               | -                 | 69,50    | 69,50     | 0941311394                         |         |
| 3                                                                              | 079         | Võ Thị Ngọc Yến      |          | 1998 | Kinh    | Bình Sơn - Quảng Ngãi   | Khu phố 6, phường An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang                          | Sư phạm Toán                          | Đại học Sư phạm Toán                        | 2020           | Giỏi            | B          | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán   | Giáo viên Trung học phổ thông hạng III | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                               | -                 | 87,00    | 87,00     | 0964952037                         |         |
| 4                                                                              | 080         | Huyền Thị Thiến Thảo |          | 1998 | Kinh    | Tân Hiệp - Kiên Giang   | Khu phố 10, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang                             | Sư phạm Toán                          | Đại học Sư phạm Toán                        | 2020           | Khá             | B1         | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán   | Giáo viên Trung học phổ thông hạng III | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                               | -                 | 85,00    | 85,00     | 0939205041                         |         |



| Số TT                                                                            | Số báo danh                                 | Họ và tên          | Năm sinh |      | Dân tộc | Quê quán                 | Nơi ở hiện nay                                             | Chuyên ngành đào tạo (theo bảng phân điểm) | Trình độ chuyên môn hiện có (ngành đào tạo) | Năm tốt nghiệp | Loại tốt nghiệp | Chứng chỉ    |           |                     | Hạng chức danh                             | Mã số      | Đơn vị dự tuyển                                        | Trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí việc làm ưu tiên    | Đối tượng ưu tiên | Điểm thi | Tổng điểm | Số điện thoại liên hệ của thí sinh |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|----------|------|---------|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|-----------------|--------------|-----------|---------------------|--------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|----------|-----------|------------------------------------|
|                                                                                  |                                             |                    | Nam      | Nữ   |         |                          |                                                            |                                            |                                             |                |                 | Ngoại ngữ    | Tin học   | Bồi dưỡng nghiệp vụ |                                            |            |                                                        |                                                                 |                   |          |           |                                    |
| 1                                                                                |                                             |                    | 4        | 5    |         | 6                        | 7                                                          | 9                                          | 10                                          | 11             | 12              | 13           | 14        | 15                  | 16                                         | 17         | 18                                                     | 8                                                               | 19                |          |           | 20                                 |
| 5                                                                                | 081                                         | Nguyễn Thị Yên     |          | 1997 | Kinh    | Hưng Nguyên - Nghệ An    | đường 30/4, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang        | Sư phạm Toán                               | Đại học Sư phạm Toán                        | 2021           | Khá             | Tiếng anh TH | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán     | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                    | -                 | 87,50    | 87,50     | 0366434421                         |
| 6                                                                                | 082                                         | Võ Quang Linh      |          | 1993 | Kinh    | Quảng Trạch - Quảng Bình | Khu phố 2, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang         | Sư phạm Toán                               | Đại học Sư phạm Toán                        | 2015           | Khá             | B            | THUD      | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Toán     | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Toán trở lên                                    | -                 | 94,50    | 94,50     | 0888300179                         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học phổ thông dạy Sinh học: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người |                                             |                    |          |      |         |                          |                                                            |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                                            |            |                                                        |                                                                 |                   |          |           |                                    |
| 1                                                                                | 098                                         | Lâm Thị Tuyết Nghi |          | 1997 | Kinh    | Phong Điền - Cần Thơ     | số 290, CMT8, khu phố 10, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Sinh học                           | Cử nhân sư phạm Sinh học                    | 2019           | Khá             | B            | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Sinh học | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Sinh học trở lên                                | -                 | 84,50    | 84,50     | 0704689664                         |
| - Vị trí Giáo viên Trung học phổ thông dạy Ngữ văn: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người  |                                             |                    |          |      |         |                          |                                                            |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                                            |            |                                                        |                                                                 |                   |          |           |                                    |
| 1                                                                                | 099                                         | Nguyễn Thị Thuận   |          | 1989 | Kinh    | Trạc Ninh - Nam Định     | Tổ 3, ấp Cửa Lấp, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang           | Sư phạm Ngữ văn                            | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                     | 2011           | Khá             | B            | B         | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Ngữ văn  | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                 | -                 |          | 0,00      | 0344058001                         |
| 2                                                                                | 100                                         | Phạm Thị Trà       |          | 1994 | Kinh    | Thọ Xuân - Thanh Hóa     | Tổ 2, ấp 4, Cửa Can, Phú Quốc, Kiên Giang                  | Sư phạm Ngữ văn                            | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                     | 2011           | Khá             | Bậc 2        | UDCN TTCB | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Ngữ văn  | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                 | -                 | 73,00    | 73,00     | 0344058001                         |
| 3                                                                                | 101                                         | Nguyễn Thị Linh    |          | 1984 | Kinh    | Cần Lộc - Hà Tĩnh        | Đường ĐT 975, ấp Đường báo, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang | Sư phạm Ngữ văn                            | Cử nhân Sư phạm Ngữ văn                     | 2007           | Trung bình khá  | B            | THVP      | -                   | Giáo viên Trung học phổ thông dạy Ngữ văn  | V.07.05.15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | Đại học sư phạm Ngữ văn trở lên                                 | -                 | 77,80    | 77,80     | 0975873192                         |
| XIV                                                                              | TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH |                    |          |      |         |                          |                                                            |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                                            |            |                                                        |                                                                 |                   |          |           |                                    |
| - Vị trí Kế toán: Chỉ tiêu cần tuyển 01 người                                    |                                             |                    |          |      |         |                          |                                                            |                                            |                                             |                |                 |              |           |                     |                                            |            |                                                        |                                                                 |                   |          |           |                                    |
| 1                                                                                | 018                                         | Nguyễn Duy Chung   |          | 1989 | Kinh    | Ngũ Lộc - Nghệ An        | Tổ 4, ấp Suối Đá, Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang           | Kế toán                                    | Cử nhân Kế toán                             | 2014           | Trung bình khá  | B            | A         | -                   | Kế toán                                    | 06.031     | Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh            | Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Tài chính kế toán, Kế toán, | -                 | 77,05    | 77,05     | 0933771539                         |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

**ĐƠN XIN PHÚC KHẢO**

**Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023

Tên tôi là: ....., Giới tính: .....

Ngày tháng năm sinh: .....Số báo danh: .....

Vị trí dự tuyển : .....

Đơn vị đăng ký dự tuyển : .....

Kết quả điểm thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành : .....điểm

Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 xin được phúc khảo điểm thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 với lý do như sau:

.....

.....

.....

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

**NGƯỜI VIẾT ĐƠN**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

